



NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 8

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Phần 1: Văn bản: Các văn bản truyện, kí đã học:

- Tôi đi học – Thanh Tịnh
- Trong lòng mẹ – Nguyễn Hồng
- Tức nước vỡ bờ – Ngô Tất Tố
- Lão Hạc – Nam Cao

(Yêu cầu: Nắm được thể loại truyện, kí, phương thức biểu đạt, tên tác giả, tác phẩm; nắm đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa tác phẩm.)

Phần 2: Tiếng Việt: HS ôn những kiến thức tiếng Việt đã học:

- Trưởng từ vựng.
- Từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
- Trợ từ, thán từ.

(Yêu cầu: Hiểu được khái niệm, biết vận dụng để làm bài tập)

Phần 3: Tập làm văn:

- Bố cục của văn bản.
- Xây dựng đoạn văn trong văn bản.
- Liên kết đoạn văn trong văn bản.
- Đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

(Yêu cầu: Biết vận dụng để tạo lập văn bản)

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

Bài 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nứa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tó, nhìn quang trời rộng muôn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vọng và ước ao thảm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ. Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sấp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp: Cảm thấy mình chơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dù các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nứa, hai chân các cậu cứ dèn dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả banh tượng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.”

(Sách giáo khoa Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 1: Đoạn trích trên, trích trong văn bản nào các em đã được học? Nêu tên tác giả. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 2: Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu sau và cho biết đó là kiểu câu gì?

“Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sấp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp.”

Câu 3: Chỉ ra biện pháp so sánh được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4: Chương trình Ngữ văn 7 cũng có văn bản viết về chủ đề này, hãy nêu tên văn bản và ghi rõ tên tác giả.

Câu 5: Từ văn bản chúa đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi, ghi lại những suy nghĩ của em về vai trò của nhà trường trong cuộc đời mỗi con người.

Bài 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Rồi chị túm cổ hắn, ấn dứa ra cửa. Sírc lèo khéo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sírc xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chòng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nhảm nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiêu sưu."

(Sách giáo khoa Ngữ văn 8- tập 1 trang 31)

Câu 1: Đoạn trích trên tích trong văn bản nào? Của tác giả nào?

Câu 2: Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3: Tìm trường từ vựng chỉ "bộ phận cơ thể con người" và "hoạt động của con người".

Câu 4: Tìm từ từ tượng thanh, tượng hình và nêu tác dụng.

Câu 5: Cho câu mang chủ đề: "Chị Dậu là người phụ nữ hết lòng yêu thương chồng con". Hãy viết thành đoạn văn khoảng 10 câu theo lối diễn dịch, trong đoạn có sử dụng một câu ghép. (Gạch chân và chú thích rõ)

Bài 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Bình Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nhão ở bên nhà lão Hạc. Tôi moái mắt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rx rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra khắp người chóc chóc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình linh như vậy. Chỉ có tôi với Bình Tư hiểu".

(Sách giáo khoa Ngữ văn 8- tập 1 trang 45)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Chỉ ra những từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn và nêu ngắn gọn tác dụng của các từ đó trong việc thể hiện nội dung đoạn trích.

Câu 4: Vì sao lão Hạc tìm đến cái chết? Cái chết của lão Hạc gợi cho em những suy nghĩ gì?

Câu 5: Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu, trình bày cảm nhận của em về nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trợ từ và một câu cảm thán. (Gạch chân và chú thích rõ)

Bài 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẩy tay tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán dâms mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi riu cả chân lại. Mẹ vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cút thẻ níc nó. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:
- Con nín đi! Mợ đã về với con rồi mà."

(Trích Ngữ văn 8- Tập 1, trang 18)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai? Đoạn văn kể về việc gì?

Câu 2: Chỉ ra các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của việc sử dụng các từ đó trong đoạn văn.

Câu 3: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng.

Câu 4: Phân tích câu tạo ngữ pháp câu văn: "Mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.", cho biết thuộc kiểu câu gì?

Câu 5: Từ văn bản chứa đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi, trình bày suy nghĩ của em về tình mẫu tử.

Bài 5: Cho đoạn văn sau:

"... Mắt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão méo như con nít. Lão hu hu khóc...".

(Lão Hạc - Nam Cao)

a. Tìm trong đoạn trích những từ thuộc trường từ vựng bộ phận cơ thể người.

b. Chỉ ra những từ tượng hình có trong đoạn trích trên.

Bài 6: Tìm từ tượng hình, từ tượng thanh trong các đoạn trích sau đây và nêu ngắn gọn hiệu quả sử dụng:

Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thi thuồng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trong thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, óc thối vô hôi, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời ! ...

(Sóng chênh mặc bay - Phạm Duy Tốn)

Bài 7: Trong các từ in đậm dưới đây, từ nào là trợ từ?

a. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu **cả** chân lại.

(Nguyễn Hồng)

b. Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ **cả** ngày nữa.

(Thanh Tịnh)

c. **Ngay** chúng tôi cũng không biết phải nói những gì.

d. Tôi có **ngay** cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngày thơ này: chắc chỉ người thạo mới cảm nổi bút thớc.

(Thanh Tịnh)

e. Nó đưa cho tôi **mỗi** 5000 đồng.

g. **Mỗi** người nhận 5000 đồng.

Bài 8: Tìm thán từ trong những câu sau và cho biết chúng được dùng để làm gì?

a. Nay, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.

(Ngô Tất Tố)

b. Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, đâu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

(Ngô Tất Tố)

c. Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hồng hách lão chỉ tò đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.

(Tô Hoài)

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: LỊCH SỬ 8

I. Nội dung ôn tập:

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 6, với nội dung kiến thức sau:

Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên

Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp thế kỉ XVIII

Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới

Bài 5. Công xã Pa-ri 1871

Bài 6. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Chủ đề: Phong trào công nhân cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.

II. Một số dạng câu hỏi

Câu 1: Vào đầu thế kỉ XVI, vùng đất có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất ở Tây Âu là gì?

Câu 2: Sự kiện nào tạo bước ngoặt của cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 bang Bắc Mĩ?

Câu 3: Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện, giai cấp nào đã xuất hiện?

Câu 4: Khi nước Anh trở thành Cộng hòa. Quyền lợi tập trung ở giai cấp nào?

Câu 5: Trước cách mạng, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

Câu 6: Trước cách mạng, xã hội Pháp gồm những giai cấp nào?

Câu 7: Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp có gì tiến bộ?

Câu 8: Trong các biện pháp của phái Gia-cô-banh, biện pháp nào mang lại quyền lợi thiết thực nhất cho giai cấp nông dân?

Câu 9: Yếu tố nào thúc đẩy nước Anh đi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp?

Câu 10: Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ khi nào?

Câu 11: “Công xưởng của thế giới” là tên gọi chỉ nước nào sau khi hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp?

Câu 12: Điểm giống nhau cơ bản trong tư tưởng của Mác và Ăng-ghen là gì?

Câu 13: Chính Đảng đầu tiên của vô sản thế giới là tổ chức nào?

Câu 14: Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân là gì?

Câu 15: Vì sao nói Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới?

Câu 16: Cuối thế kỉ XIX, Công nghiệp sản xuất của Anh đứng thứ mấy trên thế giới?

Câu 17: Nguyên nhân chủ yếu làm cho nền công nghiệp của Anh vào cuối thế kỉ XIX phát triển chậm hơn các nước Mĩ, Đức là gì?

Câu 18: Vì sao Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là : Chủ nghĩa đế quốc thực dân”?

Câu 19: Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga thất bại vì sao?

Câu 20: Mục tiêu của Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga là gì?

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2021-2022
MÔN: ĐỊA LÝ 8

Chương XI: Châu Á.

Bài 1: Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản.

Bài 2: Khí hậu châu Á.

Bài 3: Sông ngòi cảnh quan châu Á.

Bài 4: Thực hành: phân tích hoàn lưu gió mùa châu Á.

Bài 5: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.

Bài 6: Thực hành: Đặc điểm, phân tích lược đồ phân bố và các thành phố lớn của châu Á.

Câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1: Châu Á có diện tích phần đất liền rộng khoảng:

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| A. 40 triệu km ² | C. 42,5 triệu km ² |
| B. 41,5 triệu km ² | D. 43,5 triệu km ² |

Câu 2: Châu Á *không* tiếp giáp với đại dương nào?

- | | |
|---------------------|-------------------|
| A. Bắc Băng Dương. | C. Đại Tây Dương. |
| B. Thái Bình Dương. | D. Ấn Độ Dương. |

Câu 3: Châu Á tiếp giáp với châu lục nào?

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| A. Châu Âu, châu Phi. | C. Châu Đại Dương. |
| B. Châu Mĩ. | D. Châu Nam Cực |

Câu 4: Sông Trường Giang chảy trên đồng bằng nào?

- | | |
|--------------|-------------|
| A. Hoa Bắc | C. Án Hằng |
| B. Hoa Trung | D. Lưỡng Hà |

Câu 5: Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam của châu Á:

- | | |
|-----------|-----------|
| A. 8200km | C. 9000km |
| B. 8500km | D. 9500km |

Câu 6: Dãy núi nào sau đây thuộc Châu Á?

- | | |
|------------------|-------------|
| A. Xcan-di-na-vi | C. Himalaya |
| B. Cooc-di-e | D. Apalat |

Câu 7: Châu Á có nhiều đới khí hậu là do:

- A. lãnh thổ trải dài từ vùng cực bắc xuống vùng xích đạo.
- B. các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển.
- C. địa hình phức tạp, bị chia cắt sâu sắc.
- D. có nhiều dòng biển lạnh chảy ven bờ.

Câu 8: Kiểu khí hậu phổ biến ở Châu Á là:

- | | |
|-----------------------|-----------------------------|
| A. gió mùa và lục địa | C. gió mùa và hải dương |
| B. lục địa và núi cao | D. địa trung hải và gió mùa |

Câu 9: Khí hậu nhiệt đới gió mùa phổ biến ở:

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| A. Đông Á và Đông Nam Á | C. Nam Á và Tây Nam Á |
|-------------------------|-----------------------|

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| B. Tây Nam Á và Đông Nam Á | D. Đông Nam Á và Nam Á |
|----------------------------|------------------------|

Câu 10: Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào?

- | | |
|--------------|------------------|
| A. Ôn đới | C. Cận nhiệt đới |
| B. Nhiệt đới | D. Xích đạo |

Câu 11: Khí hậu gió mùa cận nhiệt đới và ôn đới phân bố ở:

- | | | | |
|------------|-----------|----------|----------|
| A. Trung Á | B. Đông Á | C. Nam Á | D. Bắc Á |
|------------|-----------|----------|----------|

Câu 12: Đặc điểm nào sau đây không phải của kiểu khí hậu lục địa?

- | | |
|---------------------------------------|-------------------|
| A. Mùa đông lạnh khô, mùa hè khô nóng | C. Độ ẩm rất thấp |
|---------------------------------------|-------------------|

B . Lượng mưa từ 1500 -2000mm/ năm D. Độ bốc hơi rất lớn

Câu 13: Các sông lớn của Bắc Á thường đổ vào:

A. Thái Bình Dương

C. Bắc Băng Dương

B. Đại Tây Dương

D. Ấn Độ Dương

Câu 14: Con sông nào chảy qua nước ta bắt nguồn từ sơn nguyên Tây Tạng

A. Sông Trường Giang

C. Sông Mê Công

B. Sông Hằng

D. Sông Hoàng Hà

Câu 15: Dân số Châu Á chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?

A. 55%

B. 61%

C. 68%

D. 72%

Câu 16: Địa điểm ra đời của Phật Giáo là:

A. Việt Nam B. Pa-le-xtin C. Ấn Độ

D. Ả-rập Xê-ut

Câu 17: Dân cư Châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc:

A. Môn-gô-lô-it, Ô-xtra-lô-it.

C. Môn-gô-lô-it, O-rô-pê-ô-it.

B. O-rô-pê-ô-it, Nê-grô- it.

D. Nê-grô- it, Ô-xtra-lô-it.

Câu 18: Hồi giáo ra đời tại:

A. Pa-le-xtin B. A-rập Xê- ut

C. I-rắc

D. I-xra-en

Câu 19: Khu vực có khí hậu rất lạnh, khô, địa hình núi cao hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn là khu vực:

A. Kinh tế phát triển

C. Phát triển du lịch

B. Dân cư đông đúc

D. Có mật độ dân số thấp

Câu 20: So với các châu lục khác, Châu Á có số dân:

A. đứng thứ nhất

B. đứng thứ hai

C. đứng thứ ba

D. đứng thứ tư

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2021-2022
MÔN: GDCD 8

A. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Bài 1: Tôn trọng lẽ phải
- Bài 2: Liêm khiết
- Bài 3: Tôn trọng người khác
- Bài 4: Giữ chữ tín
- Bài 6: Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh

B. YÊU CẦU CẨN ĐẶT:

- Khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách rèn luyện liên quan các đơn vị kiến thức
- Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung kiến thức đã học.
- Làm các bài tập tình huống trong SGK, SBT GD&CD Lớp 8
- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

C. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

Câu 1: Sự đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác được gọi là?

- A. Liêm khiết. B. Công bằng. C. Lẽ phải. D. Tôn trọng người khác.

Câu 2: Câu tục ngữ “Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay” nói đến điều gì?

- A. Lòng chung thủy. B. Lòng trung thành. C. Giữ chữ tín. D. Lòng vị tha.

Câu 3: Trên đường đi học về em nhìn thấy một thanh niên đi xe máy phóng nhanh vượt ẩu gây tai nạn khiến một em học sinh bị ngã gãy tay. Trong tình huống đó em sẽ làm gì?

- A. Lờ đi chỗ khác và coi như không biết.
- B. Nhờ sự giúp đỡ của người lớn, đưa em bé đó đến bệnh viện và gọi điện cho gia đình của em đó.
- C. Đèo em bé đó đến gặp công an.
- D. Đạp thật nhanh về nhà.

Câu 4. Trong các buổi học, Hồng hay có thói quen nói leo khi cô giáo giảng bài. Nếu em là bạn của Hồng, em sẽ làm gì?

- A. Em sẽ khuyên bạn không nên làm thế vì hành đó là thiếu tôn trọng cô giáo
- B. Em sẽ khuyên bạn nên tích cực hơn nữa
- C. Em sẽ không làm gì cả vì đó là tôn trọng quyền tự do cá nhân
- D. Em sẽ cắt ngang lời của Hồng mỗi khi bạn ấy nói

Câu 5. Câu tục ngữ “Một sự bất tín, vạn sự bất tin” nói về chủ đề gì?

- A. Tự lập. B. Liêm khiết.
C. Xây dựng tình bạn trong sáng lành mạnh. D. Giữ chữ tín.

Câu 6: Trong giờ ra chơi, A trêu đùa và đánh B gây chảy máu và gãy răng, các bạn trong lớp không ai có ý kiến gì vì sợ A đánh. Trong tình huống này em sẽ làm gì?

- A. Báo với cô giáo chủ nhiệm để tìm cách giải quyết.
- B. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.
- C. Cùng với A đánh B cho vui.
- D. Chạy đi chỗ khác chơi.

Câu 7: Nếu bạn thân của em mắc khuyết điểm, em sẽ làm gì?

- A. Chỉ rõ cái sai cho bạn và khuyên bạn, giúp bạn để lần sau bạn không mắc khuyết điểm nữa.
- B. Vẫn chơi thân với bạn như bình thường.
- C. Xa lánh không chơi với bạn.
- D. Coi như không có gì xảy ra.

Câu 8: Hành vi nào sau đây thể hiện sự không tôn trọng người khác?

- A. Luôn đổ rác đúng nơi quy định.
- B. Cảm thông chia sẻ khi người khác gặp điều bất hạnh.
- C. Lắng nghe ý kiến của mọi người.
- D. Bật nhạc to khi đã quá khuya.

Câu 9: Hành vi nào sau đây thể hiện tôn trọng lẽ phải?

- A. Thấy bất kể việc gì có lợi cho mình cũng phải làm bằng được.
- B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến của mình.
- C. Luôn luôn tán thành và làm theo số đông.
- D. Lắng nghe ý kiến của mọi người và tìm ra điều hợp lý.

Câu 10: Những hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật?

- A. Tham gia tốt các cuộc tuyên truyền về pháp luật ở địa phương.
- B. Buôn bán hàng cấm, các chất gây nghiện.
- C. Tôn trọng pháp luật của Nhà nước.
- D. Luôn nhắc nhở mình và mọi người chấp hành luật giao thông.

Câu 11: Liêm khiết là một phẩm chất đạo đức của con người thể hiện lối sống:

- A. hám danh, hám lợi. B. không hám danh, hám lợi.
- C. quan tâm lợi ích cá nhân. D. thỏa mãn nhu cầu vật chất.

Câu 12: Tính liêm khiết có quan hệ trực tiếp với phẩm chất đạo đức nào?

- A. Khoan dung B. Siêng năng C. Lễ độ D. Trung thực

Câu 13: D là bạn thân của E, trong giờ kiểm tra 15 phút E không học bài cũ nên lén thầy cô giở sách ra作弊. Nếu là D em sẽ làm gì?

- A. Nhắc nhở bạn, khuyên bạn không được làm như vậy vì vi phạm kỉ luật.
- B. Nhờ bạn D cho xem tài liệu cùng.
- C. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.
- D. Nói với cô giáo để bạn bị phạt.

Câu 14: Tình bạn trong sáng, lành mạnh có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giúp cho con người cảm thấy ấm áp, tự tin, yêu đời và hoàn thiện mình hơn.
- B. Giúp cho mọi người gần nhau hơn.
- C. Giúp cho mọi người tôn trọng nhau hơn.
- D. Giúp cho mọi người vui vẻ hơn

Câu 15: Nhiều lần B vi phạm lỗi nói chuyện trong giờ học, B đã nhiều lần hứa trước cô giáo và cả lớp sẽ không tái phạm nữa nhưng trên thực tế giờ học nào bạn B cũng nói chuyện trong giờ và bị ghi vào sổ đầu bài. Việc làm đó của B thể hiện điều gì?

- A. B là người không giữ chữ tín. B. B là người giữ chữ tín.
- C. B là người không tôn trọng người khác. D. B là người tôn trọng người khác.

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2021-2022
MÔN: TOÁN 8

A – PHẦN ĐẠI SỐ:

I – BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1) Diền (D), (S) vào các câu sau:

Câu	Nội dung	Điền
1	$(x - 3)^2 = 9 - 6x + x^2$	
2	$(x + 2)^2 = x^2 + 2x + 4$	
3	$(x - y)(y - x) = (y - x)^2$	
4	$-x^2 + 10x - 25 = -(x - 5)^2$	
5	$-3x - 12 = -3(x - 4)$	
6	$-16x + 32 = -16(x + 2)$	
7	$-(x - 5)^2 = (-x + 5)^2$	
8	$-(x - 3)^3 = (-x - 3)^3$	
9	$(x^3 - 1):(x - 1) = x^2 + 2x + 1$	
10	$(x^3 + 8):(x^2 - 2x + 4) = x + 2$	

2) Chọn đáp án đúng nhất rồi đánh dấu X vào ô vuông đứng trước câu trả lời:

Câu 1: Biểu thức nào dưới đây là **bình phương thiếu** của hiệu hai biểu thức x và 2y:

- A. $x^2 + 2xy + 4y^2$. B. $x^2 - 2xy + 4y^2$. C. $x^2 - 4xy + 4y^2$. D. $x^2 + 4xy + 4y^2$

Câu 2: Đa thức $x^2 + 6xy^2 + 9y^4$ **chia hết** cho đa thức nào dưới đây?

- A. $x + 3y$ B. $x - 3y$ C. $x + 3y^2$ D. $x - 3y^2$

Câu 3: Kết quả của phép chia $24x^4y^3z : 8x^2y^3$ là:

- A. $3x^2y$ B. $3x^2z$ C. $3x^2yz$ D. $3xz$

II – BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1. Nhân đơn thức với đa thức:

- 1) $3x^2(5x^2 - 2x - 4)$; 7) $(3xy - x^2 + y)\frac{2}{3}x^2y$;
 2) $xy^2(x^2y + x^3y^2 + 3x^2y^3)$; 8) $(4x^3 - 5xy + 2x)(-\frac{1}{2}xy)$;
 3) $xyz(x^2y + 3yz^2 + 4xy^2z)$; 9) $2x^2(x^2 + 3x + \frac{1}{2})$;
 4) $2x^2(4x^2 - 5xy + 8y^3)$;
 5) $2xy^2(5x^2 + 3xy - 6y^3)$;
 6) $-x^2y(xy^2 - \frac{1}{2}xy + \frac{3}{4}x^2y^2)$

Bài 2. Nhân đa thức với đa thức:

- 1) $(2x - 5)(3x + 7)$ 2) $(-3x + 2)(4x - 5)$ 3) $(x - 2)(x^2 + 3x - 1)$
 4) $(x - 2)(3x^2 - 2x + 1)$ 5) $(x + 2)(x^2 + 3x + 2)$ 6) $(2x^2 + 1)(x^2 - x + 3)$
 7) $(-\frac{1}{2}x^2 + y^3)(8x^3 - \frac{4}{3}x^2y - y^2)$ 8) $(2xy^2 - 7x^2y)(\frac{1}{2}x^2 + 5xy - 4y^3)$

Bài 3. Rút gọn rồi tính giá trị biểu thức:

- 1) $A = 5x(4x^2 - 2x + 1) - 2x(10x^2 - 5x - 2)$ với $x = 15$
- 2) $2x(3x^2 - 5x + 8) - 3x^2(2x - 5) - 16x$ với $x = -15$
- 3) $B = 5x(x^2 - 3) + x^2(7 - 5x) - 7x^2$ với $x = -5$
- 4) $F = (x + 1)(x - 1)(x^2 + x + 1)(x^2 - x + 1)$ với $x = 3$
- 5) $L = (x^2y + y^3)(x^2 + y^2) - y(x^4 + y^4)$ với $x = 0,5; y = -2$
- 6) $(2x^2 + y)(x - 6xy) - 2x(x - 3y^2)(x + 1) + 6x^2y(y - 2x)$; với $x = -2$ và $|y| = 3$

Bài 4. Hằng đẳng thức:

- | | | | |
|-----------------------------|---------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1) $(x - 2y)^2$ | 2) $(x + 2y)^2$ | 3) $(3x + y)^2$ | 4) $(3x - y)^2$ |
| 5) $x^2 - 2x + 1$ | 6) $4x^2 + 4x + 13$ | 7) $16 - 24y + 9y^2$ | 8) $x^2 - x + 1/4$ |
| 9) $x^2 - 4$ | 10) $4x^2 - 1$ | 11) $9x^2 - 4$ | 12) $16 - x^2$ |
| 13) $9 - x^2$ | 14) $8 - x^3$ | 15) $27 - 8x^3$ | 16) $100x^2 - (x^2 + 25)^2$ |
| 17) $27 + 27x + 9x^2 + x^3$ | | 18) $x^3 - 3x^2 + 3x - 1$ | |
| 19) $8x^3 - 12x + 6x - 1$ | | 20) $-x^3 + 3x^2 - 3x + 1$ | |

Bài 5. Chứng minh các biểu thức sau không phụ thuộc vào x:

- 1) $(3x - 5)(2x + 11) - (2x + 3)(3x + 7)$
- 2) $(2x + 3)(4x^2 - 6x + 9) - 2(4x^3 - 1)$
- 3) $x(5x - 3) - x^2(x - 1) + x(x^2 - 6x) - 10 + 3x$
- 4) $x(x^2 + x + 1) - x^2(x + 1) - x + 5$
- 5) $x(2x + 1) - x^2(x + 2) + x^3 - x + 3$

Bài 6. Tìm giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của các biểu thức (nếu có):

$$\begin{array}{ll} A = 4x^2 + 4x + 11 & D = 7 - 8x + x^2 \\ E = x(x - 6) & F = (x - 3)^2 + (x - 11)^2 \\ G = (x - 1)(x + 3)(x + 2)(x + 6) & K = x^2(2 - x^2) \end{array}$$

Bài 7. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung:

- 1) $2x^2 - 4x$
- 2) $3x - 6y$
- 3) $x^2 - 3x$
- 4) $4x^2 - 6x$
- 5) $x^3 - 4x$
- 6) $9x^3y^2 + 3x^2y^2$
- 7) $5x^2(x - 2y) - 15x(x - 2y)$
- 8) $3(x - y) - 5x(y - x)$
- 9) $2x(2x - 1) + 3(1 - 2x)$
- 10) $3x(y + 2) - 3(y + 2)$
- 11) $x^2 - y^2 - 2x + 2y$
- 12) $(x + 3)^2 - (2x - 5)(x + 3)$

Bài 8. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức:

- 1) $(x + y)^2 - 25$
- 2) $100 - (3x - y)^2$
- 3) $64x^2 - (8a + b)^2$
- 4) $4a^2b^4 - c^4d^2$
- 5) $7x^3 - a^3b^3$
- 6) $16x^3 + 54y^3$

Bài 9: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử tổng hợp:

- 1) $x^2 - 25 + y^2 + 2xy$
- 2) $81x^2 - 6yz - 9y^2 - z^2$
- 3) $3x^2 - 6xy + 3y^2$
- 4) $2x^2 + 2y^2 - x^2z + z - y^2z - 2$
- 5) $x^2 - 2xy + y^2 - 16$
- 6) $x^6 - x^4 + 2x^3 + 2x$
- 7) $x^2 - xz - 9y^2 + 3yz$
- 8) $x^3 - x^2 - 5x + 125$
- 9) $(x - y + 5)^2 - 2(x - y + 5) + 1$

Bài 10. Phân tích đa thức thành nhân tử các phương pháp khác:

- 1) $x^2 + 8x + 15$
- 2) $x^2 - x - 12$
- 3) $x^4 + 4$
- 4) $x^8 + x^7 + 1$
- 5) $(x^2 + x)^2 - 14(x^2 + x) + 24$
- 6) $(x + 1)(x + 2)(x + 3)(x + 4) + 1$

Bài 11 Tìm x :

- 1) $5x(x - 1) = x - 1$
- 2) $x^3 - 16x = 0$
- 3) $3x^3 - 48x = 0$
- 4) $2(x + 5) - x^2 - 5x = 0$
- 5) $5(2x - 1) + 4(8 - 3x) = -5$
- 6) $3x(12x - 4) - 9x(4x - 3) = 30$
- 7) $(x - 1)(x + 2) - x - 2 = 0$
- 8) $x(2x - 3) - 2(3 - 2x) = 0$
- 9) $(x - 4)^2 - (x - 2)(x + 2) = 6$
- 10) $(x + 3)^2 - (4 - x)(4 + x) = 10$
- 11) $x^3 + x^2 - 4x = 4$

Bài 12. Chứng minh rằng:

- a) Nếu: $a^2 + b^2 + c^2 = ab + ac + bc$ thì $a = b = c$;
 b) Nếu: $a^2 + b^2 + c^2 + 3 = 2(a + b + c)$ thì $a = b = c = 1$.
 c) Nếu: $2(a^2 + b^2) = (a+b)^2$ thì: $a = b$
 d) Nếu $a^2 + b^2 + 1 = ab + a + b$ thì: $a=b=1$

Bài 13. Chứng minh với mọi số nguyên n biểu thức:

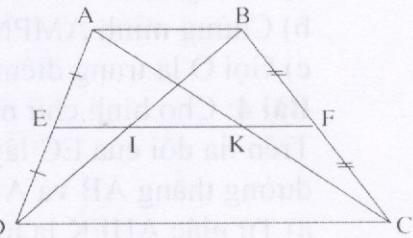
- a) $(2n+3)^2 - 9$ chia hết cho 4 với $n \in \mathbb{Z}$.
 b) $n^2(n+1) + 2n(n+1)$ chia hết cho 6 với $n \in \mathbb{Z}$.

Bài 14. Chứng minh

- a) $x^2 + 2x + 2 > 0$ b) $(x-3)(x-5) + 2 > 0$ c) $-x^2 + 4x - 5 < 0$
 d) $4x - 10 - x^2 < 0$ e) $x^2 + 2x + y^2 + 1 \geq 0$

B – HÌNH HỌC**I – TRẮC NGHIỆM****Chọn chữ cái trước phương án trả lời đúng.**

1. Tứ giác ABCD có $\hat{A} = 130^\circ$; $\hat{B} = 80^\circ$; $\hat{C} = 110^\circ$ thì:
 A. $\hat{D} = 150^\circ$; B. $\hat{D} = 90^\circ$; C. $\hat{D} = 40^\circ$; D. $\hat{D} = 60^\circ$
2. Hình chữ nhật là tứ giác:
 A. Có hai cạnh vừa song song vừa bằng nhau. B. Có bốn góc vuông.
 C. Có bốn cạnh bằng nhau. D. Có hai đường chéo bằng nhau.
3. Nhóm hình nào đều có trực đối xứng:
 A. Hình bình hành, hình thang cân, hình chữ nhật.
 B. Hình thang cân, hình tam giác, hình bình hành.
 C. Hình thang cân, hình chữ nhật, Tam giác cân .
 D. Hình thang cân, hình chữ nhật, hình bình hành.
4. Cho hình vẽ. Biết AB song song DC và $AB = 3$; $DC = 7$.
 a) Hỏi EF=?
 A. 10 B. 4 C. 5 D. 20
 b) Hỏi IK=?
 A. 1,5 B. 2 C. 2,5 D. Cả A, B, C sai.
5. Cho hình thoi ABCD có 2 đường chéo $AC = 6\text{ cm}$ và $BD = 8\text{ cm}$.
 Hình thoi đó là : A. 2 cm; B. 7 cm;
6. Nhóm tứ giác nào có tổng số đo hai góc đối bằng 180° ?
 A. Hình thang cân, hình chữ nhật, hình tứ giác.
 B. Hình thang cân, hình thang, hình bình hành.
 C. Hình thang cân, hình chữ nhật.
 D. Hình bình hành, hình thang cân, hình chữ nhật.
7. Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?
 A. Hình chữ nhật B. Hình thang cân C. Hình bình hành D. Hình tròn
8. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là :
 A. Hình chữ nhật B. Hình thang cân C. Hình thang vuông D. Hình thang
9. Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng:
 A. Cạnh góc vuông B. Cạnh huyền
 C. Đường cao ứng cạnh huyền D. Nửa cạnh huyền
10. Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau và bằng 3cm, chu vi hình bình hành đó bằng:
 A. 9cm B. 6cm C. 12cm D. 12cm.

**II – BÀI TẬP TỰ LUẬN**

Bài 1: Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$, $AB < CD$) Kẻ hai đường chéo AC và BD.

a) Chứng minh $\Delta ABD = \Delta BAC$

b) Chứng $AE = BE$; $EC = ED$

c) Gọi M là giao điểm của hai cạnh bên AD và CB. Chứng minh ME là đường trung trực chung của AB và CD.

Bài 2: Cho ΔABC , có AM là trung tuyến ứng với BC. Trên cạnh AB lấy điểm D và E sao cho $AD = DE = EB$.

a) Chứng minh $EM \parallel CD$

b) Đoạn thẳng CD cắt AM tại I. Chứng minh I là trung điểm của AM

c) Chứng minh $DC = 4 DI$

Bài 3: Cho hình bình hành ABCD ($AB > BC$), Tia phân giác của góc D cắt AB ở E, tia phân giác góc B cắt CD ở F

a) Chứng minh ΔADE là tam giác cân

b) Chứng minh $\widehat{AED} = \widehat{ABF}$

c) Chứng minh BEDF là hình bình hành

d) Chứng minh AC, BD, EF cùng đi qua một điểm

Bài 4: Cho hbh ABCD. Gọi I, K theo thứ tự là chân đường vuông góc kẻ từ A và C đến BD.

a) CMR : AHCK là hbh

b) gọi M là giao điểm của AK và BC, gọi N là giao điểm của CH và AD, chứng minh $AN = CM$.

c) Gọi O là trung điểm của HK, chứng minh M, O, N thẳng hàng.

Bài 3: Cho tam giác ABC, lấy các điểm M, N, P lần lượt là trung điểm các cạnh AB, AC, BC.

a) Chứng minh MP//AC

b) Chứng minh AMPN là hình bình hành

c) Gọi O là trung điểm của MN, chứng minh ba điểm O, M, N thẳng hàng

Bài 4: Cho hình chữ nhật ABCD. Nối C với một điểm E bất kì trên đường chéo BD.

Trên tia đối của EC lấy điểm F sao cho $EF = EC$. Vẽ FH và FK lần lượt vuông góc với đường thẳng AB và AD tại H và K. Chứng minh

a) Tứ giác AHFK là hình chữ nhật

b) AF song song với BD

c) Ba điểm E, H, K thẳng hàng.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: HÓA HỌC 8

A. LÝ THUYẾT

1. Những khái niệm hóa học cơ bản: nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất, hỗn hợp, kí hiệu hóa học, công thức hóa học, hóa trị.
2. Cấu tạo nguyên tử.
3. Phương pháp tách chất khỏi hỗn hợp.
4. Xác định hóa trị, lập CTHH khi biết hóa trị.
5. Vận dụng tổng hợp kiến thức về NTK, PTK, KHHH, hóa trị,... để tính toán tìm nguyên tố và CTHH.

B. BÀI TẬP

I. Xem lại các bài tập trong SGK đã học.

II. Bài tập luyện thêm

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Chất nào sau đây là chất tinh khiết?

- A. NaCl B. Dung dịch NaCl C. Nước chanh D. Sữa tươi

Câu 2: Hỗn hợp có thể tách riêng các chất thành phần bằng cách cho hỗn hợp vào nước, sau đó khấy kỹ và lọc là

- A. đường và muối. B. bột đá vôi và muối ăn.
C. bột than và bột sắt. D. giấm và rượu.

Câu 3: Thành phần cấu tạo của hầu hết của các loại nguyên tử gồm:

- A. Prôton và electron. B. Notron và electron.
C. Prôton và notron. D. Prôton, notron và electron.

Câu 4: Một nguyên tử có tổng số hạt là 52, trong đó số electron là 17, số proton và số notron lần lượt là

- A. 18 và 17. B. 19 và 16. C. 17 và 18. D. 16 và 19.

Câu 5: Trong nguyên tử, hạt nào mang điện?

- A. Proton và electron. B. Notron và electron.
C. Electron. D. Notron.

Câu 6: Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử cùng loại có cùng số

- A. electron ở lớp vỏ. B. proton và notron.
C. proton trong hạt nhân. D. notron trong hạt nhân.

Câu 7: Đơn chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hóa học?

- A. Từ 2 nguyên tố. B. Từ 3 nguyên tố.
C. Từ 4 nguyên tố trở lên. D. Từ 1 nguyên tố.

Câu 8: Để tạo thành phân tử của một hợp chất thì tối thiểu cần phải có bao nhiêu loại nguyên tử?

- A. 2 loại B. 3 loại C. 1 loại D. 4 loại

Câu 9: Cho các chất như sau: H_2 , H_2SO_4 , NO_2 , Br_2 , $NaOH$. Số hợp chất là

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 10: Phân tử Oxi nặng hay nhẹ hơn phân tử Hidrô bao nhiêu lần?

- A. Nặng hơn 8 lần B. Nhẹ hơn 32 lần
C. Nặng hơn 16 lần D. Nhẹ hơn 16 lần

Câu 11: Kí hiệu hóa học của nguyên tố Natri là

- A. N B. Ni C. Ne D. Na

Câu 12: Viết 4N nghĩa là

- A. Bón phân tử Nitơ. B. Bón nguyên tố Nitơ.
C. Bón nguyên tử Nitơ. D. Bón Nitơ

Câu 13: Dãy gồm các nguyên tố kim loại là:

- A. Na, Mg, C, Ca, Na B. Al, Na, O, H, S
C. K, Na, Mn, Al, Ca D. Ca, S, Cl, Al, Na.

Câu 14: Hóa trị của S trong hợp chất SO_3 là

- A. II B. IV C. VI D. III

Câu 15: CTHH nào sau đây tạo bởi N (II) và O?

- A. N_2O B. NO_2 C. NO D. N_2O_5

Câu 16: Hợp chất của nguyên tố X với O là X_2O_3 và hợp chất của nguyên tố Y với H là YH_2 . Công thức hóa học hợp chất của X với Y là:

- A. XY B. X_2Y C. XY_2 D. X_2Y_3

Câu 17: Số nguyên tử oxi có trong một phân tử $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ là:

- A. 3 B. 9 C. 5 D. 6

Câu 18 : Phân tử khối của hợp chất $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ là:

- A. 192 B. 400 C. 360 D. 211

Câu 19: Hợp chất $\text{Al}_x(\text{NO}_3)_3$ có phân tử khối là 213. Giá trị của x là :

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

Câu 20: Một hợp chất có công thức hóa học dạng X_2O . Phân tử của hợp chất nặng hơn phân tử Hiđrô 47 lần. X là nguyên tố nào sau đây?

- A. Ca B. Mg C. K D. Na

2. Tự luận

Câu 1: Nêu phương pháp dùng để:

- a) tách dầu ăn ra khỏi hỗn hợp với nước?
b) tách muối ăn ra khỏi hỗn hợp với cát?

Câu 2: Xác định hóa trị của các nguyên tố:

- a) N trong NO_2 b) Cu trong $\text{Cu}(\text{OH})_2$ c) P trong P_2O_5
d) Fe trong Fe_2O_3 e) R trong RO f) Y trong H_2Y

Câu 3: Hãy lập CTHH và tính phân tử khối của các hợp chất tạo bởi:

1. Na (I) và nhóm (CO_3) (II) 4. S (IV) và O
2. Fe (II) và nhóm (OH) 5. H và nhóm SO_3 (II)
3. Ba (II) và O 6. Al (III) và nhóm SO_4 (II)

Câu 4: Một hợp chất gồm 2 nguyên tử X liên kết với 3 nguyên tử oxi và nặng hơn phân tử khí oxi 5 lần.

- a. Tính PTK của hợp chất biết phân tử khí oxi tạo bởi 2 nguyên tử oxi.
b. Tính NTK của X, cho biết tên và KHHH của nguyên tố X.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1

NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: VẬT LÝ 8

I/ LÍ THUYẾT:

- 1/ Thế nào là chuyển động cơ học? Lấy ví dụ và chỉ rõ vật làm mốc.
- 2/ Độ lớn vận tốc cho biết gì? Công thức, đơn vị tính vận tốc.
- 3/ Phân biệt chuyển động đều, không đều. Công thức tính V_{tb} .
- 4/ Đặc điểm của hai lực cân bằng. Kết quả tác dụng của hai lực cân bằng lên vật đang chuyển động hoặc đứng yên.
- 5/ Khi nào xuất hiện lực ma sát trượt, ma sát lăn, ma sát nghỉ? Lấy VD.
- 6/ Cách biểu diễn lực.

II/ BÀI TẬP:

1/ Trắc nghiệm: Xem các bài trong SBT.

Câu 1: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng khi nói về chuyển động cơ học?

- A. Chuyển động cơ học là sự dịch chuyển của vật.
- B. Chuyển động cơ học là sự thay đổi vị trí của vật này so với vật khác theo thời gian.
- C. Chuyển động cơ học là sự thay đổi vận tốc của vật.
- D. Chuyển động cơ học là chuyển đổi vị trí của vật.

Câu 2: Quan sát một đoàn tàu đang chạy vào ga, trong các câu mô tả sau đây, câu mô tả nào là sai?

- A. Đoàn tàu đang chuyển động so với nhà ga.
- B. Đoàn tàu đang đứng yên so với người lái tàu.
- C. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang ngồi trên tàu.
- D. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang đứng dưới sân ga.

Câu 3: Quỹ đạo chuyển động của một vật là

- A. đường mà vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- B. đường thẳng vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- C. đường tròn vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- D. đường cong vật chuyển động vạch ra trong không gian.

Câu 4: Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

- A. Quãng đường vật đi được trong những khoảng thời gian khác nhau là khác nhau.
- B. Một vật có thể đứng yên so với vật này nhưng lại chuyển động so với vật khác.
- C. Vận tốc của vật so với các vật mốc khác nhau là khác nhau.
- D. Dạng quỹ đạo chuyển động của vật phụ thuộc vào vật chọn làm mốc.

Câu 5: Dụng cụ để xác định sự nhanh chậm của chuyển động của một vật gọi là

- A. vôn kế B. nhiệt kế C. tốc kế D. ampe kế

Câu 6: Độ lớn của vận tốc có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
- B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
- C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
- D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 7: Đơn vị của vận tốc phụ thuộc vào

- A. đơn vị chiều dài B. đơn vị thời gian
- C. đơn vị chiều dài và đơn vị thời gian. D. các yếu tố khác.

Câu 8: Khi nói đến vận tốc của các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô, xe lửa, máy bay... người ta nói đến

- A. vận tốc tức thời. B. vận tốc lớn nhất có thể đạt được của phương tiện đó.
- C. vận tốc trung bình. D. vận tốc nhỏ nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

Câu 9: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Vận động viên trượt tuyết từ dốc núi xuống.
- B. Vận động viên chạy 100m đang yê đích.
- C. Máy bay bay từ Hà Nội vào Hồ Chí Minh.
- D. Không có chuyển động nào kể trên là chuyển động đều.

Câu 10: Chuyển động nào sau đây là chuyển động không đều?

- A. Cánh quạt quay ổn định.
- B. Chiếc bè trôi theo dòng nước với vận tốc 5 km/h.
- C. Tàu ngầm đang lặn sâu xuống nước.
- D. Chuyển động của vệ tinh địa tĩnh quanh Trái Đất.

Câu 11: Một ô tô lên dốc với vận tốc 16 km/h, khi xuống lại dốc đó, ô tô này chuyển động nhanh gấp đôi khi lên dốc. Vận tốc trung bình của ô tô trong cả hai đoạn đường lên dốc và xuống dốc là:

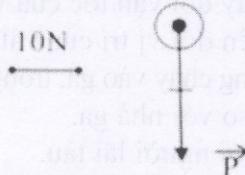
- A. 24 km/h
- B. 32 km/h
- C. 21,33 km/h
- D. 26 km/h

Câu 12: Khi chỉ có một lực tác dụng lên vật thì vận tốc của vật đó sẽ như thế nào?

- A. Vận tốc không thay đổi
- B. Vận tốc tăng dần
- C. Vận tốc giảm dần
- D. Có thể tăng dần và cũng có thể giảm dần.

Câu 13: Câu nào mô tả đầy đủ các yếu tố trọng lực của vật?

- A. Điểm đặt trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.
- B. Điểm đặt trên vật, hướng thẳng đứng, độ lớn 20N.
- C. Điểm đặt trên vật, phương từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.
- D. Điểm đặt trên vật, chiều thẳng đứng, độ lớn 20N.



Câu 14: Trường hợp nào dưới đây cho ta biết khi chịu tác dụng của lực vật vừa bị biến dạng vừa bị biến đổi chuyển động?

- A. Gió thổi cành lá đung đưa.
- B. Sau khi đập vào mặt vợt quả bóng tennis bị bật ngược trở lại.
- C. Một vật đang rơi từ trên cao xuống.
- D. Khi hãm phanh xe đạp chạy chậm dần.

Câu 15: Trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào do tác dụng của trọng lực?

- A. Xe đi trên đường.
- B. Thác nước đổ từ trên cao xuống.
- C. Mũi tên bắn ra từ cánh cung.
- D. Quả bóng bị nảy bật lên khi chạm đất.

Câu 16: Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

- A. Phương, chiều
- B. Điểm đặt, phương, chiều.
- C. Điểm đặt, phương, độ lớn.
- D. Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

Câu 17: Hai lực cân bằng là:

- A. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau.
- B. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau, có phương nằm trên hai đường thẳng khác nhau.
- C. Hai lực cùng đặt vào hai vật khác nhau, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.
- D. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.

Câu 18: Dấu hiệu nào sau đây là của chuyển động theo quán tính?

- A. Vận tốc của vật luôn thay đổi.
- B. Độ lớn vận tốc của vật không đổi.
- C. Vật chuyển động theo đường cong.
- D. Vật tiếp tục đứng yên hoặc tiếp tục chuyển động thẳng đều.

Câu 19: Khi xe ô tô đang chuyển động trên đường đột ngột phanh (thăng gấp). Hành khách trên xe bị xô về phía trước là do

- A. ma sát
- B. quán tính
- C. trọng lực
- D. lực đẩy

Câu 20: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

- A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.
- B. Xe máy chạy trên đường.

- C. Lá rơi từ trên cao xuống. D. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

Câu 21: Lực nào sau đây không phải là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.
B. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.
C. Lực của dây cung tác dụng lên mũi tên khi bắn.
D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ xát với nhau.

Câu 22: Khi xe đang chuyển động, muốn xe dừng lại, người ta dùng phanh để:

- A. tăng ma sát trượt B. tăng ma sát lăn C. tăng ma sát nghỉ D. tăng quán tính

Câu 23: Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát nghỉ?

- A. Kéo trượt cái bàn trên sàn nhà. B. Quả dừa rơi từ trên cao xuống.
C. Chuyển động của cành cây khi gió thổi. D. Chiếc ô tô nằm yên trên mặt đường dốc.

Câu 24: Cách nào sau đây làm giảm được ma sát nhiều nhất?

- A. Vừa tăng độ nhám vừa tăng diện tích của bề mặt tiếp xúc.
B. Tăng độ nhẵn giữa các bề mặt tiếp xúc.
C. Tăng độ nhám giữa các bề mặt tiếp xúc.
D. Tăng diện tích bề mặt tiếp xúc.

Câu 25: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về lực ma sát?

- A. Lực ma sát lăn cần trở chuyển động của vật này trượt trên vật khác.
B. Khi vật chuyển động chậm dần, lực ma sát nhỏ hơn lực đẩy.
C. Lực ma sát lăn nhỏ hơn lực ma sát trượt.
D. Khi vật chuyển động nhanh dần, lực ma sát lớn hơn lực đẩy.

2/ Giải thích các hiện tượng thực tế liên quan đến quán tính và lực ma sát. Như bài C8 câu a, c, d) SGK tr20, 6.11(câu a,b) sbt.

3/ Giải toán: Như bài 3.3; 3.6; 5.6; 4.5; 6.5 SBT.

* Lưu ý:

- Khi vật chuyển động thẳng đều thì lực kéo bằng lực cản ($F_k = F_c$)
- V_{tb} khác ($V_1 + V_2$) : 2
- Biểu diễn lực phải thể hiện được 3 yếu tố : Điểm đặt, phương chiều và cường độ (độ lớn)

* Một số bài tập VD:

Bài 1. Một người đi bộ đều trên quãng đường dài 2km hết nửa giờ. Ở đoạn đường sau đoạn đường dài 1,8km đi với vận tốc 3m/s. Tính:

- Vận tốc trung bình trên quãng đường đầu.
- Vận tốc trung bình trên cả hai quãng đường.

Bài 2.

a. Một vật được kéo thẳng đều trên mặt sàn nằm ngang với lực kéo theo phương ngang có cường độ 500N. Hãy biểu diễn các véc tơ lực tác dụng lên vật. Tỉ xích 1cm ứng với 200N.

b. Biểu diễn véc tơ lực tác dụng lên một vật theo phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên, cường độ 30N. Tỉ xích 1cm ứng với 3N

Bài 3. Một đầu tàu khi khởi hành cần một lực kéo là 15000N nhưng khi đã chuyển động thẳng đều chỉ cần một lực kéo 10000N

- Tính lực ma sát khi tàu chuyển động thẳng đều
- Biểu diễn véc tơ lực kéo và lực cản tác dụng lên đầu tàu khi tàu chuyển động thẳng đều. Tỉ xích 1cm ứng với 5000N.

Bài 4. Hãy giải thích các hiện tượng sau:

- Hành khách ngồi trên ô tô đang chuyển động. Khi ô tô đột ngột rẽ phải thì hành khách bị nghiêng sang trái.
- Hành khách ngồi trên ô tô đang chuyển động. Khi ô tô đột ngột tăng vận tốc thì hành khách bị ngã về phía sau.
- Găng tay thủ môn có nỗi gai thô ráp, đế giày dép thường có khía rãnh
- Khi xe lao dốc muốn dừng lại an toàn ta phải bóp phanh phía sau.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1

NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: SINH HỌC 8

I. PHẠM VI ÔN TẬP

Chương 1: Khái quát cơ thể người

Chương 2: Vận động

Chương 3: Tuần hoàn

1. Máu và môi trường trong cơ thể.

2. Bạch cầu- Miễn dịch

II. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1. Ở người, khoang bụng và khoang ngực ngăn cách nhau bởi bộ phận nào?

- A. Cơ hoành. B. Cơ ức đòn chũm. C. Cơ liên sườn. D. Cơ nhị đầu.

Câu 2. Cơ thể người được phân chia thành mấy phần? Đó là những phần nào?

- A. 3 phần: đầu, thân và chân

- B. 2 phần: đầu và thân

- C. 3 phần: đầu, thân và các chi

- D. 3 phần: đầu, cổ và thân

Câu 3. Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người?

- A. Hệ tuần hoàn B. Hệ hô hấp

- C. Hệ tiêu hóa D. Hệ bài tiết

Câu 4. Bảo quản nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?

- A. Bộ máy Gôngi B. Lục lạp

- C. Nhân D. Trung thể

Câu 5. Trong tế bào, ti thể có vai trò gì?

- A. Thu nhận, hoàn thiện và phân phối các sản phẩm chuyển hóa vật chất đi khắp cơ thể

- B. Tham gia vào hoạt động hô hấp, giúp sản sinh năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động sống của tế bào

- C. Tổng hợp prôtêin

- D. Tham gia vào quá trình phân bào

Câu 6. Trong nhân tế bào, quá trình tổng hợp ARN ribôxôm diễn ra chủ yếu ở đâu?

- A. Dịch nhân B. Nhân con

- C. Nhiễm sắc thể D. Màng nhân

Câu 7. Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất?

- A. Tế bào thần kinh B. Tế bào cơ vận

- C. Tế bào xương D. Tế bào da

Câu 8. Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng?

- A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể

- B. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng

- C. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau

- D. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau

Câu 9. Trong cơ thể người có mấy loại mô chính?

- A. 4 loại B. 2 loại C. 5 loại D. 3 loại

Câu 10. Trong cơ thể người có các loại mô chính:

- A. mô cơ, mô biểu bì, mô liên kết và mô thần kinh.

- B. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết và mô thần kinh.

- C. mô cơ, mô xương, mô liên kết và mô thần kinh.

- D. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết, mô xương.

Câu 11. Cấu tạo tế bào gồm:

- A. chất tế bào, màng sinh chất, trung thể. B. màng sinh chất, chất tế bào, bộ máy Gôngi.
C. màng sinh chất, chất tế bào, nhân. D. chất tế bào, Ribôxôm, nhân.

Câu 12. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở người mà không có ở động vật khác?

1. Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn. 2. Đi bằng hai chân.
3. Có ngôn ngữ và tư duy trừu tượng. 4. Răng phân hóa.
5. Phần thân có hai khoang: khoang ngực và khoang bụng.

- A. 1, 3, 4. B. 1, 3. C. 2, 4, 5. D. 1, 2, 5.

Câu 13. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơ ron thành 3 loại: Nơron hướng tâm, nơron trung gian, nơron li tâm?

- A. Tuổi thọ. B. Hình thái C. Cấu tạo. D. Chức năng.

Câu 14. Xương to ra về bề ngang là nhờ:

- A. mô xương xốp. B. sự phân chia của mô xương cứng.
C. sự phân chia của tế bào màng xương. D. tấm sụn ở hai đầu xương.

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu của sự mỏi cơ:

- A. tích tụ axit lactic trong cơ. B. cơ thể được cung cấp quá nhiều O₂.
C. cơ thể được cung cấp đủ O₂. D. lượng nhiệt sinh ra nhiều.

Câu 16. Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài

- A. xương chậu. B. xương đùi. C. xương sống. D. xương hộp sọ.

Câu 17. Xương trẻ nhỏ khi gãy thì mau liền hơn vì

- A. thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng.
B. thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng.
C. chưa có thành phần khoáng.
D. chưa có thành phần cốt giao.

Câu 18. Loại tế bào máu làm nhiệm vụ vận chuyển O₂ và CO₂ là:

- A. Tiểu cầu. B. Bạch cầu mono.
C. Bạch cầu trung tính. D. Hồng cầu.

Câu 19. Môi trường trong của cơ thể gồm

- A. nước mô, các tế bào máu, kháng thể. B. máu, nước mô, bạch cầu.
C. huyết tương, các tế bào máu, kháng thể. D. máu, nước mô, bạch huyết.

Câu 20. Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây?

- A. Huyết tương B. Hồng cầu C. Bạch cầu D. Tiểu cầu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: CÔNG NGHỆ 8

Câu 1. Trong giao tiếp, con người diễn đạt tư tưởng, tình cảm và truyền thông tin cho nhau bằng:

- A. Một phương tiện thông tin
- B. Hai phương tiện thông tin
- C. Nhiều phương tiện thông tin
- D. Không sử dụng phương tiện thông tin nào.

Câu 2. Tìm đáp án sai: Người công nhân căn cứ theo bản vẽ để?

- A. Chế tạo
- B. Thiết kế
- C. Lắp ráp
- D. Thi công

Câu 3. Theo em, tại sao mỗi chiếc máy hoặc thiết bị, nhà sản xuất có kèm theo bản hướng dẫn sử dụng?

- A. Tăng hiệu quả sử dụng sản phẩm
- B. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn
- C. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả
- D. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn hoặc hiệu quả

Câu 4. Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

- A. hình chiếu
- B. vật chiếu
- C. mặt phẳng chiếu
- D. vật thể

Câu 5. Khối tròn xoay là

- A. đai ốc 6 cạnh.
- B. quả bóng đá.
- C. hộp phấn.
- D. bao diêm.

Câu 6. Phép chiếu vuông góc có đặc điểm:

- A. Các tia chiếu đồng quy tại một điểm.
- B. Các tia chiếu đi xuyên qua vật thể.
- C. Các tia chiếu song song với nhau.
- D. Các tia chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

Câu 7. Điểm A của vật thể có hình chiếu là điểm A' trên mặt phẳng. Vậy A A' gọi là:

- A. Đường thẳng chiếu
- B. Tia chiếu
- C. Đường chiếu
- D. Đoạn chiếu

Câu 8. Có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 9: Để thu được hình chiếu đứng, hướng chiếu từ:

- A. Trước tới
- B. Trên xuống
- C. Trái sang
- D. Phải sang

Câu 10. Hình hộp chữ nhật được bao bởi mấy hình chữ nhật?

- A. 7
- B. 6
- C. 5
- D. 4

Câu 11. Hình hộp chữ nhật có kích thước:

- A. Dài, rộng
- B. Dài, cao
- C. Rộng, cao
- D. Dài, rộng, cao

Câu 12. Hình chóp đều được bao bởi mặt đáy là:

- A. Tam giác
- B. Tam giác đều
- C. Đa giác đều
- D. Hình chữ nhật

Câu 13. Hình chóp đều có các mặt bên là:

- A. Các tam giác bằng nhau
- B. Các tam giác cân bằng nhau
- C. Các tam giác đều bằng nhau
- D. Các tam giác vuông bằng nhau

Câu 14. Điền vào chỗ trống: “Khi quay một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình trụ”.

- A. Hình tam giác
- B. Hình chữ nhật
- C. Nửa hình tròn
- D. Hình tam giác vuông

Câu 15. Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trực quay của hình trụ là:

- A. Hình chữ nhật
- B. Tam giác cân
- C. Tam giác vuông
- D. Hình tròn

Câu 16. Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trực quay của hình nón là:

- A. Tam giác
- B. Tam giác cân
- C. Tam giác vuông
- D. Hình tròn

Câu 17. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào về khối tròn xoay là không đúng?

- A. Khi quay nửa hình tròn một vòng quanh đường kính cố định, ta được hình cầu.
- B. Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình trụ.
- C. Khi quay hình tam giác vuông một vòng quanh một góc vuông cố định, ta được hình nón.
- D. Khi quay nửa hình tròn một vòng quanh đường kính cố định, ta được hình tròn.

Câu 18. Kim tự tháp là một khối đa diện có dạng hình:

- A. hình hộp chữ nhật.
B. hình nón cụt.
- Câu 19.** Người ta dùng máy hình chiêu để biểu diễn khói tròn xoay?
 A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
- Câu 20.** Hình nón có hình chiêu đứng là tam giác cân, hình chiêu bằng là:
 A. Tam giác B. Tam giác cân C. Hình tròn D. Hình chữ nhật
- Câu 21.** Trên bản vẽ kĩ thuật thường dùng hình cắt để
 A. sử dụng thuận tiện bản vẽ.
B. tăng tính thẩm mĩ.
C. biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.
D. biểu diễn hình dạng bên ngoài của vật thể.
- Câu 22.** Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở:
 A. trước mặt phẳng cắt C. trên mặt phẳng cắt
B. sau mặt phẳng cắt D. dưới mặt phẳng cắt
- Câu 23.** Trong bản vẽ chi tiết của sản phẩm, gồm mấy nội dung:
 A. 2 B. 3 C. 4 D. 5
- Câu 24.** Kích thước trên bản vẽ kĩ thuật tính theo đơn vị:
 A. mm B. cm C. dm D. m
- Câu 25.** Công dụng của bản vẽ chi tiết là
 A. chế tạo và lắp ráp.
B. thiết kế, thi công và sử dụng.
C. thiết kế và sửa chữa.
D. chế tạo và kiểm tra.
- Câu 26.** Trong bản vẽ kĩ thuật có ghi tỷ lệ 1: 100 nghĩa là
 A. kích thước trong bản vẽ nhỏ hơn kích thước ngoài 100 lần.
B. bản vẽ phóng to so với vật thật.
C. kích thước trong bản vẽ lớn hơn kích thước ngoài 100 lần.
D. bản vẽ thu nhỏ so với vật thật.
- Câu 27.** Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước?
 A. Hình biểu diễn C. Yêu cầu kĩ thuật
B. Kích thước D. Khung tên
- Câu 28.** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:
 A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp
B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp
C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp
D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp
- Câu 29.** Có mấy loại ren?
 A. 2 B. 3 C. 4 D. 5
- Câu 30.** Ren dùng để:
 A. ghép nối
B. truyền lực
C. định vị và ghép nối
D. ghép nối và truyền lực
- Câu 31.** Ren lỗ là ren được hình thành ở:
 A. mặt trong của chi tiết
B. mặt ngoài của chi tiết
C. mặt trái của chi tiết
D. mặt phải của chi tiết
- Câu 32.** Chi tiết nào là ren trực?
 A. Đinh B. Đai ốc C. Nắp lọ mực D. Bulong
- Câu 33.** Đường đinh ren được vẽ bằng nét gì?
 A. Liền đậm. B. Liền mảnh. C. Nét đứt. D. Gấp khúc
- Câu 34.** Vòng chân ren được vẽ
 A. cả vòng B. 1/2 vòng C. 3/4 vòng D. 1/4 vòng
- Câu 35.** Phần vật thể bị phần mặt phẳng cắt cắt qua được:
 A. kẻ bằng nét đứt
B. kẻ bằng đường chấm gạch
C. tô màu hồng
D. kẻ gạch gạch

REVISION FOR THE FIRST MID-TERM TEST ENGLISH 8

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

- Verbs of liking + gerunds
- Verbs of liking + to-infinitives
- Comparative forms of adjectives: review
- Comparative form of adverbs
- Question: review
- Articles (some uses)
- Pronunciation of words related to the topics
- Vocabulary: Units 1, 2, 3

B. EXERCISES:

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others

1. A. bracelet B. favourite C. craftD. game
2. A. leisure B. satisfied C. stilt D. socialise
3. A. trick B. kit C. addict D. virtual
4. A. ride B. excite C. ridden D. beehive
5. A. pasture B. vast C. brave D. farm
6. A. cattle B. circular C. country D. collect
7. A. generous B. gather C. grassland D. guess
8. A. important B. boring C. minor D. northern
9. A. community B. custom C. costume D. museum
10. A. ethnic B. gather C. though D. clothing

II. Choose the best answer A, B, C or D.

a/ Vocabulary and grammar

1. It is typical of the cultural life of _____ Thai people
A. some B. a C. the D. Ø
2. _____ do the cattle provide for the nomads? – Dairy products, meat, and clothing.
A. What B. Where C. Why D. How
3. The crops _____ on the weather.
A. depend heavy B. depend heavily C. affect heavy D. affect heavily
4. During the festival, they fly many _____ kites in different shapes and sizes
A. colourfully B. colourless C. colourful D. colouring
5. An old woman was _____ the goats up the mountainside.
A. riding B. taking C. herding D. running
6. ‘_____ dress in red and black costume?’ - ‘The Dao’
A. What B. Which C. Who D. When
7. What colour is _____ symbol of good luck for the Hoa?
A. some B. an C. X D. the
8. _____ in terraced fields is the main economic activity of ethnic peoples in Sapa.
A. Fishing B. Rice cultivation C. Hunting D. Gathering
9. The _____ house is a place where villagers gather for festivals and rituals.
A. terraced B. splendid C. communal D. thatched
10. The Dao in the Sapa area is famous _____ its “love market.”
A. for B. in C. with D. to
11. On the farm, Uncle Tung showed us how to _____ cucumbers.
A. plough B. produce C. pick D. put up
12. Mongolian children start to learn _____ before they can walk.
A. horse riding B. to riding horse C. ride horse D. horse ridden
13. Does your new stereo play music _____ than your old one did?
A. loud B. more loudly C. louderlier D. more louder

14. I think country life is so boring and _____ because you're not close to shops and services.
A. unhealthy B. inconvenient C. comfortable D. peaceful
15. Medical help is _____ easily obtained in remote areas than in towns.
A. more B. fewer C. less D. higher
16. He seems to be _____ than we thought.
A. more quick B. more quickly C. quicker D. quicklier
17. The sky is _____ here in the countryside because there are no buildings to block the view.
A. tidy B. ancient C. dense D. vast
18. _____ life is very hard because people have to move a lot.
A. Nomad B. Citizen C. Nomadic D. Urban
19. They work together to _____ this tent because it was raining. The tent was too heavy.
A. put down B. put up C. take down D. take up
20. Today Peter gets up _____ than he did yesterday.
A. earlier B. more early C. more earlily D. more earlier
21. How much time do you spend _____ TV every day?
A. watch B. to watch C. watching D. in watching
22. I hate _____ the exams, so I'm doing my best.
A. failing B. to fail C. fail D. Both A and B
23. I always enjoy _____ with my grandfather. He always tells me great stories.
A. to talk B. to talking C. chatting D. chat
24. Could you help me _____ the kitchen? It's a real mess!
A. tidy B. tidied C. tidying D. with tidying
25. Steven dislikes _____, so he usually takes a bus to work.
A. to drive B. to be driven C. be driven D. driving
26. Jane often _____ when she has leisure time.
A. makes crafts B. does crafts C. plays crafts D. has crafts
27. Marlene fancies _____ and play computer games on Sundays.
A. doing the Internet B. going the Internet C. having the Internet D. surfing the Internet
28. You do leisure activities in your free time and they make you feel _____.
A. bored B. stressful C. satisfied D. embarrassed
29. Your child needs _____ some weight. Tell him to eat less junk food and more exercise.
A. to lose B. to losing C. losing D. lose
30. Choose the full word: "DIY".
A. Do it yourself B. Do it yourselves C. Did it yourself D. Did it yourselves
31. I'm very _____ to lying on the beach, and listening to the sound of the waves.
A. loved B. adored C. addicted D. imagine

b/ Synonyms (Find the word that has the CLOSEST meaning to the underlined word)

32. I enjoy hanging out with my friends. We always do yoga and listen to music.
A. am keen on B. am a big fan with C. can't stand D. can't bear
33. My mother hates cooking because she is not good at making recipes.
A. prefer B. detests C. would rather D. don't mind

c/ Antonyms (Find the word that has OPPOSITE meaning to the underlined word)

34. English is a major subject at international school.
A. main B. minor C. key D. simple
35. Wifi isn't important in mountainous region such as Cao Bang, Lang Son and Tay Bac.
A. insignificant B. necessary C. significant D. useful

d/ Everyday English

36. 'I have two tickets to a "gong" performance. Would you like to go?' '_____. What time?'
A. Sorry, I can't. B. Not very good. C. Yes, I'd like that. D. Never mind.
37. 'Is it true that Y Moan was the greatest pop singer of the Ede?' '_____.
A. Really! B. How beautiful! C. Come on! D. Exactly.'

e/ Find and correct the mistake in each of the following sentences:

1. Although she wanted to go to the museum, she decided staying at home.
A B C D
2. Parents are concerned that their kids may be spending too many time on screen.
A B C D
3. The Ta Oi managed preserving their traditional dances, folk songs, and stories.
A B C D
4. I love farm work, such as digging holes, sowing seeds and pick fruit.
A B C D
5. The countryside is much peaceful and the life there is also slower.
A B C D
6. The Muong are one of the ethnic minority living in the mountainous regions of Vietnam.
A B C D

III. Read the passage and find the best answer for each question:

For 3,000 years, Mongolians have lived in the rural areas, adopting a pastoral way of life, moving in the search of new pastures. They depend largely on their livestock for a living and sustain themselves with what they can get from the land. Today, approximately half of Mongolia's population is still roaming the vast plains living in the "ger" and moving their camps several times a year. Nomadic life thrives in summer and survives in winter. When temperatures are warm, they work hard on their farms to get milk and make "airag", consuming meat from their sheep and goats. Once winter comes, temperatures dip extremely low and they stay indoors and survive on horse meat.

With the rise of technology, changes in the Mongolian nomadic lifestyle are almost inevitable. While they still lead their lifestyle as pastoral herders, many use motorbikes to herd cattle and horses. To move their homes, trucks have taken the place of ox carts. Solar panels are also becoming an addition to the ger, giving them access to electricity without being confined to one place. The nomads use solar energy to power television sets and mobile phones.

1. Mongolians regularly move from place to place in order to _____.
A. look for food for their family B. find pastures for their livestock
C. herd their cattle and horses D. sell their animals and farm products
2. How many Mongolians still live a traditional nomadic life?
A. Close to 40 percent C. More than 50 percent
B. About 50 percent D. Approximately 60 percent
3. What is a "ger"?
A. portable, round tent B. A thatched house
C. A circular house made of snow D. A wooden hut
4. What is the Mongolian's main food in winter?
A. airag B. goat meat C. sheep meat D. horse meat
5. Today, Mongolian nomads _____.
A. don't lead their lifestyle as herders any more
B. use ox carts to move their homes
C. use solar energy to power electronic devices
D. have the advantage of urban life

IV. Choose the correct word A, B or C for each gap to complete the following passage:

The country and the city have advantages and (1) _____. People in the country live in more beautiful surroundings. They enjoy (2) ____ and quietness, and can do their work at their (3) ____ pace because no one is in a (4) _____. They live in larger, more comfortable houses, and their neighbors are friendlier, and ready to help them when they need it. Their life, however, can be (5) ____ and they may be isolated, which is serious problem because they are ill or want to take children to school. The city has all the services that the country lacks, but it has a lot of disadvantages. Cities are often polluted. They not have polluted air but also have noisy streets.

Everyone is always in hurry and this means that people have no time to get to know each other and make friends.

- | | | | |
|-------------|--------------|--------------|------------------|
| 1. A. joy | B. enjoyment | C. happiness | D. disadvantages |
| 2. A. quiet | B. quietly | C. peace | D. peaceful |
| 3. A. less | B. own | C. just | D. only |
| 4. A. hurry | B. hurried | C. hurriedly | D. hurrying |
| 5. A. bore | B. bored | C. boring | D. bores |

V. Write questions for the underlined parts.

1. A:
B: My mother watches films every afternoon.
2. A:
B: They went to the movies yesterday evening.
3. A:
B: I love hanging out with my best friend, Helen.
4. A:
B: I don't give my personal information to websites because it's easy to be stolen.
5. A:
Children should spend less than 2 hours a day on screen.
6. A:
B: DIY is the most popular pastime activity in my country.
7. A:
B: The art of paper folding is originated in China.
8. A:
B: I vs 100 game show lasts ninety minutes.

VI. Use the given words to write meaningful sentences

1. The Nile/ long/ river/ in the world.

2. Lan/ tall/ student / in my class.

3. English coffee/ bad/ of all.

4. Ba/ friendly/ Nam.

5. Your house/ far/ from my school / my house.

VII. Rewrite the following sentences without changing their meanings

1. This is the most delicious cake I've ever tasted.

=> I've.....

2. I've never met any more dependable person than George.

=> George is.....

3. There isn't anybody as kind-hearted as your mother.

=> Your mother is.....

4. There is no better teacher in this school than Mr. John.

=> Mr. John is.....

5. Can you write the letters more clearly?

=> Are these.....?

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: THỂ DỤC 8

* **Nội dung ôn tập:** Bài thể dục

* **Yêu cầu cần đạt:**

- Mức độ ĐẠT: Học sinh thuộc bài, thực hiện đúng biên độ động tác BTD

- Mức độ CHƯA ĐẠT: Học sinh không thuộc bài hoặc sai từ 5 động tác trở lên.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: ÂM NHẠC 8

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hát to, rõ lời, thể hiện tình cảm.

- Có động tác phụ họa, biết gõ đệm.

- Đọc đúng cao độ, trường độ bài tập đọc nhạc.

- Hát rõ lời ca bài tập đọc nhạc.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hát: Mùa thu ngày khai trường

2. Hát: Lý dĩa bánh bò

3. Tập đọc nhạc số 1, số 2

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: MỸ THUẬT 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

HS ôn tập các thể loại tranh theo đề tài.

II. ĐỀ TÀI:

- Tranh vẽ minh họa truyện cổ tích

- Tranh đề tài học tập

- Tranh đề tài an toàn giao thông

- Tranh tĩnh vật

- Vẽ trang trí

- Tranh đề tài tự do

- Tranh đề tài gia đình